TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIANG THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST
Ngày: 06-5-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Hoàng Hải
2. Ông Trương Văn Hiếu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nghi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giang Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành tham gia phiên tòa: Ông Khương Hoài Thương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Giang Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Lâm Văn G, sinh năm 1970 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp CC, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hiền V, sinh năm 1983 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp KH, xã TKH, huyện GT, Kiên Giang.
(Văn bản ủy quyền số 09 ngày 29/8/2019).
2. *Bị đơn*: Ông Châu Văn C (tên gọi khác: Châu Văn U), sinh năm 1983, bà Nguyễn Thị T L, sinh năm 1985
Địa chỉ: Ấp CC, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang
(ông C, bà L vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 24/10/2019 của nguyên đơn ông Lâm Văn G và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Hiền V trình bày: Do chỗ quen biết nên ông G có bán thiếu vật tư nông nghiệp cho vợ chồng ông Châu Văn C, bà Nguyễn Thị T L vay một số tiền, sau đó đến đầu tháng 02/2019 hai bên có đối chiếu nợ thì ông C, bà L còn nợ 350.220.000 đồng. Sau đó ngày 23/02/2019 và ngày 01/10/2019 ông C, bà L trả được tổng cộng là 160.000.000 đồng và còn nợ lại 190.220.000 đồng thì ông C, bà L cứ hẹn mà không nên ông G khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C, bà L trả số tiền nợ gốc là 190.220.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 23/02/2019 đến khi xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Hiền V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về nợ gốc, còn về lãi suất thì yêu cầu tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 10/12/2019 để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn ông Châu Văn C, bà Nguyễn Thị T L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2019 và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/12/2019 ông Châu Văn C trình bày: Ông C thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp và hiện còn nợ ông Lâm Văn G số tiền gốc 190.220.000 đồng. Ông C xin trả mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành ông Khương Hoài Thương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục giải quyết vụ án. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán để làm cơ sở giải quyết vụ án và buộc ông C, bà L có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo quy định pháp luật cho nguyên đơn ông Lâm Văn G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn ông Lâm Văn G khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Châu Văn C, bà Nguyễn Thị T L thanh toán số tiền nợ vật tư nông nghiệp là 190.220.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn ông Châu Văn C, bà Nguyễn Thị T L vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và Tòa án đã hoãn phiên tòa một lần do bị đơn vắng mặt không lý do nên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử khi đương sự vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lâm Văn G khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Châu Văn C, bà Nguyễn Thị T L thanh toán số tiền nợ mua bán là 190.220.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo chứng cứ nguyên đơn ông Giá cung cấp là phiếu thực hiện hòa giải ở cơ sở ngày 18/10/2019 (BL 08), đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2019 (BL 48, 49) và biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/12/2019 (BL 50, 51, 52, 53) thì bị đơn ông Châu Văn C thừa nhận còn nợ tiền vật tư nông nghiệp của nguyên đơn ông Lâm Văn G số tiền là 190.220.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh

"*Điều 92. Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*

2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".

Do ông C, bà L có nợ của ông G số tiền 190.220.000 đồng gốc nhưng đến hạn chưa thanh toán nên theo quy định tại Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 thì ông bà phải trả đủ số nợ gốc, chịu lãi chậm trả theo quy định pháp luật từ ngày

01/10/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 19 tháng 13 ngày. Do các bên không thỏa thuận mức lãi suất nên lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 là 10%/năm (0,83%/tháng; 0.028%/ngày), cụ thể như sau:

190.220.000đ x 19 tháng 06 ngày x 0.83%/tháng x 0.028%/ngày = 30.317.263 đồng.

Theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 tại Điều 440 về nghĩa vụ trả tiền:

"1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng….

Tại Điều 357 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền quy định"

"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả…."

Tại Điều 468 về Lãi suất quy định:

"2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".

Từ các cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Châu Văn C, bà Nguyễn Thị T L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Lâm Văn G số tiền 220.537.263 đồng (trong đó 190.220.000 đồng là nợ gốc, 30.317.263 đồng là nợ lãi).

Xét yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Văn G là ông Phạm Hiền V về yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 10/12/2019 để đảm bảo thi hành án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm:

Do bị đơn ông C, bà L bị buộc phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông G số tiền 220.537.263 đồng, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông C, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 11.026.863 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn G;

Buộc bị đơn ông Châu Văn C, bà Nguyễn Thị T L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Lâm Văn G số tiền 220.537.263đ (Hai trăm hai mươi triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 10/12/2019 để đảm bảo thi hành án.

2**.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Lâm Văn G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.755.000đ theo biên lai thu tiền số 0004814 ngày 01/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành;

Bị đơn ông Châu Văn C, bà Nguyễn Thị T L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 11.026.863 đồng.

3. Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn thông qua người đại diện có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉ nh Kĩn Giang;
- VKSND huyệ n Giang Thành;
- CC THA DS huyện Giang Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hồng Phong